TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 28

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Có bao nhiêu số chẵn từ 72 208 đến 72 227?

A. 19 **B.** 10 **C.** 11 **D.** 9

Câu 2. Làm tròn số 4 716 541 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 5 000 000 **B.** 4 720 000 **C.** 4 700 000 **D.** 4 800 000

Câu 3. Biểu thức nào có giá trị bằng (531 + 383) + 916?

A. 531 + 383 − 916 **B.** (531 − 383) + 916

C. (531 + 383) × 916 **D.** 531 + (383 + 916)

Câu 4. Một hội trường có 11 hàng ghế, mỗi hàng 20 ghế, người ta kê thêm 41 ghế nhựa. Có 190 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 71 **B.** 261 **C.** 30 **D.** 112

Câu 5. 4 tạ 5 yến = ……. kg

A. 450 **B.** 405 **C.** 4050 **D.** 45

Câu 6. Góc có số đo 25° là:

A. góc tù **B.** góc bẹt **C.** góc vuông **D.** góc nhọn

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 3 triệu, 6 chục nghìn, 1 trăm và 6 đơn vị viết là: …….

b) Số «sáu triệu ba trăm năm mươi ba nghìn hai trăm chín mươi lăm» viết là: …….

c) Làm tròn số 5 940 222 đến hàng trăm nghìn được: …….

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 4712, b = 730: …….

b) m − n + p với m = 27 008, n = 8593, p = 1310: …….

c) (x + 3788) × 2 với x = 800: …….

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tấn 20 kg = ……. kg

b) 9 tạ = ……. yến

c) 8 m^2 56 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 27 giây = ……. giây

Bài 4. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 tấn 50 kg …… 8500 kg

b) 6 m² 50 dm² …… 650 dm²

c) 5 thế kỉ …… 490 năm

d) 3 810 423 …… 3 820 423

Bài 5. Một hình thoi có chu vi 48 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: …… cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: …… cm

c) Diện tích hình vuông đó: …… cm²

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 2497 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 2 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 555 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Ngày thứ ba bán được: …… kg

c) Cả ba ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 28

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	A	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 3 060 106

b) 6 353 295

c) Chữ số hàng chục nghìn là 4 nên được 5 900 000

Bài 2.

a) $4712 + 730 \times 5 = 4712 + 3650 = 8362$

b) $27\,008 - 8593 + 1310 = 18\,415 + 1310 = 19\,725$

c) $(800 + 3788) \times 2 = 4588 \times 2 = 9176$

Bài 3.

a) $9000 + 20 = 9020$

b) 1 tạ = 10 yến: 90

c) $800 + 56 = 856$

d) $5 \times 60 + 27 = 327$

Bài 4.

a) $8050 < 8500$

b) $650 = 650$

c) $500 > 490$

d) $3\,810\,423 < 3\,820\,423$

Bài 5.

a) $48 : 4 = 12$ (cm)

b) $12 \times 4 = 48$ (cm)

c) $12 \times 12 = 144$ (cm²)

Bài 6.

Ngày thứ hai: $2497 \times 2 = 4994$ (kg)

Ngày thứ ba: $4994 - 555 = 4439$ (kg)

Cả ba ngày: $2497 + 4994 + 4439 = 11\,930$ (kg)